

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 20/2020/HC-GĐT

Ngày 20/8/2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Du, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Các Thẩm phán: - Ông Đặng Xuân Đào;
- Ông Nguyễn Văn Thuân;
- Ông Nguyễn Văn Tiến;
- Bà Đào Thị Xuân Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Dương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 20/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trương Phú H, sinh năm 1957;

Cư trú tại: Ấp TQ1, xã TH, huyện Đ, thành phố T.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố T;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố T.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố T.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Bùi Văn K, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố T (theo Văn bản ủy quyền số 2045/UBND-TD ngày 25/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố T);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Chí P, Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 31/8/1992, Ủy ban nhân dân xã TH cấp Giấy chứng nhận (về việc sử dụng nền nhà và điểm mua bán trong phạm vi khu quy hoạch chợ TH) cho ông Trương Phú H; theo đó, Ủy ban nhân dân xã TH chứng nhận và giao quyền sử dụng nền nhà và điểm mua bán trong phạm vi quy hoạch chợ TH cho ông Trương Phú H, diện tích 150 m². Ngày 13/12/1995, ông H được Ủy ban nhân dân huyện N (nay là Ủy ban nhân dân huyện Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H076939 với diện tích 64 m² (T) tại thửa số 1224, Tờ bản đồ số 02 xã TH, ấp TQ1, huyện N (nay là huyện Đ), tỉnh (nay là thành phố) T; phần đất còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông H vẫn trực tiếp quản lý, sử dụng.

Ngày 01/11/2002, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2577/2002/QĐ-UB phê duyệt quy hoạch cụm dân cư vùng ngập lũ xã TH, phần đất gia đình ông H đang sử dụng thuộc phần đất bị quy hoạch.

Sau khi chia tách địa giới hành chính, trên cơ sở yêu cầu của các hộ dân và kiến nghị của Ủy ban nhân dân huyện Đ, ngày 14/8/2015, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Công văn số 3842/UBND-KT về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng phần đất do Nhà nước quản lý tại xã TH, huyện Đ, thành phố T.

Ngày 25/4/2016, Ủy ban nhân dân xã TH ban hành Thông báo số 39/TB-UBND về việc yêu cầu ông H di dời nhà, vật kiến trúc và các vật dụng khác trên phần diện tích 46 m² tại thửa đất số 1123, Tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp TQ1 giao lại cho Ủy ban nhân dân xã TH quản lý sử dụng.

Ngày 28/6/2016, Ủy ban nhân dân xã TH lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 03/BB-VPHC đối với ông Trương Phú H, có nội dung: Ông H có hành vi chiếm đất công tại một phần thửa đất số 1123, Tờ bản đồ số 02, Ấp TQ1, xã TH, huyện Đ, thành phố T. Đất do Ủy ban nhân dân xã TH quản lý. Diện tích chiếm ngang 5,4 m, dài 8,5 m = 46 m², trên phần đất chiếm, ông Trương Phú H đã xây dựng nhà với diện tích ngang 5,2 m x dài 7,3 m = 37,96 m², mái lợp tole, vách tường..., thời điểm chiếm đất trước năm 1999.

Ngày 05/7/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 2216/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai trong trường hợp không ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với ông Trương Phú H: Ông H phải thực hiện khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính vào năm 2013, Ông H chiếm đất của Ủy ban nhân dân xã TH quản lý, diện tích 46 m² tại một phần thửa 1123; biện pháp khắc phục ông H phải thực hiện

gồm: Buộc trả lại đất đã chiếm, trả lại hiện trạng ban đầu do Ủy ban nhân dân xã TH quản lý (tháo dỡ, di dời toàn bộ nhà, vật kiến trúc, cây, hoa màu đi nơi khác).

Ông H đã có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 2216/QĐ-KPHQ đến Ủy ban nhân dân huyện Đ nhưng không được giải quyết.

Ngày 04/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 2960/QĐ-CC về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H; biện pháp cưỡng chế gồm: Tháo dỡ, di dời toàn bộ nhà, vật kiến trúc, hoa màu đi nơi khác trên diện tích 46 m² tại một phần thửa đất số 1123, Tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp TQ1, xã TH, huyện Đ.

Ngày 13/10/2016, ông H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2216/QĐ-KPHQ và Quyết định số 2960/QĐ-CC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ nêu trên.

Ngày 20/10/2016, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 3225/QĐ-UBND giao đất có thu tiền sử dụng đất cho hộ ông H, có nội dung: Giao cho hộ ông H diện tích 35 m² đất tại một phần thửa số 1123, Tờ bản đồ số 02, thửa đất tọa lạc tại ấp TQ1, xã TH, huyện Đ, thành phố T để sử dụng vào mục đích ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng đất lâu dài, hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, giá thu tiền sử dụng đất: 52.500.000 đồng.

Ngày 09/01/2017, ông H có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 3225/QĐ-UBND phần có thu tiền sử dụng đất với số tiền 52.500.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ) trình bày:

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3225/QĐ-UBND về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với hộ ông H: Nếu gia đình ông H không đồng ý với quyết định này thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ thu hồi lại. Còn việc giao đất có thu tiền sử dụng đất là xuất phát từ nhu cầu sử dụng chỗ ở của các hộ dân, đề xuất của Ủy ban nhân dân huyện và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận. Do đó, Quyết định số 3225/QĐ-UBND được ban hành đúng quy định của pháp luật.

- Đối với Quyết định số 2216/QĐ-KPHQ và Quyết định số 2960/QĐ-CC được ban hành đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền.

Về nội dung các Quyết định bị kiện được ban hành đúng quy định của pháp luật, vì phần đất ông H đang sử dụng nằm trong quy hoạch cụm dân cư vùng ngập lũ xã TH, bao gồm phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 64 m² và 81 m² nằm ngoài giấy. Phần diện tích 81 m² này là thuộc diện tích 11.695 m² của thửa 1123, Tờ bản đồ số 02 do Ủy ban nhân dân xã TH quản lý, việc ông H xây dựng nhà trên phần đất 46 m² là vi phạm Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai (đã

trừ đi 35 m² giao đất có thu tiền). Do đó, đại diện Ủy ban và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ đề nghị giữ nguyên các Quyết định hành chính bị kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HCST ngày 27/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố T quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Phú H về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3225/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố T.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Phú H về việc yêu cầu hủy toàn bộ các Quyết định 2216/QĐ-KPHQ ngày 05/7/2016 và Quyết định số 2960/QĐ-CC ngày 04/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố T.

Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/QĐ-ADBPCKTT ngày 20/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T về việc tạm ngưng thi hành Quyết định số 2216/QĐ-KPHQ ngày 05/7/2016 và Quyết định số 2960/QĐ-CC ngày 04/10/2016 thì sẽ không còn hiệu lực khi có bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/3/2017, ông H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 228/2018/HC-PT ngày 27/6/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố M quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của ông Trương Phú H. Sửa bản án sơ thẩm.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Phú H. Hủy toàn bộ các Quyết định 2216/QĐ-KPHQ ngày 05/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định 2960/QĐ-CC ngày 04/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về cưỡng chế thi hành Quyết định 2216.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Phú H về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định 3225/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ. Hủy một phần Quyết định 3225/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về thu tiền sử dụng đất số tiền 52.500.000 đồng.

- Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/QĐ-ADBPCKTT ngày 20/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T về việc tạm ngưng thi hành Quyết định 2216/QĐ-KPHQ ngày 05/7/2016 và Quyết định 2960/QĐ-CC ngày 04/10/2016 thì sẽ không còn hiệu lực khi có bản án hoặc quyết định có hiệu lực của Tòa án.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 01/11/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố T có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 07/2020/KN-HC ngày 18/6/2020, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án hành chính phúc thẩm số 228/2018/HC-PT ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố M và đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 228/2018/HC-PT ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố M; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố M xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 28/6/2016, Ủy ban nhân dân xã TH lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông Trương Phú H và xác định gia đình ông H có hành vi chiếm 46 m² đất thuộc một phần thửa đất số 1123 Tờ bản đồ số 02, ấp TQ1, xã TH, huyện Đ, thành phố T là đất công do Ủy ban nhân dân xã TH quản lý; thời điểm ông H lấn chiếm đất từ trước năm 1999; trên đất đã xây dựng nhà ở từ trước năm 1999.

[2] Ngày 05/7/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 2216/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trương Phú H, trong đó có nội dung: Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện gồm: Buộc trả lại đất đã chiếm, trả lại hiện trạng ban đầu cho Ủy ban nhân dân xã TH quản lý (tháo dỡ, di dời toàn bộ nhà, vật kiến trúc, cây, hoa màu...).

[3] Xét Quyết định số 2216/QĐ-KPHQ ngày 05/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ thì thấy: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ buộc ông Trương Phú H trả lại đất đã chiếm, trả lại hiện trạng ban đầu cho Ủy ban nhân dân xã TH quản lý là không có căn cứ; bởi lẽ, diện tích đất mà gia đình ông H đang sử dụng (qua đo đạc thực tế có diện tích 145 m²) được xác định có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân xã TH giao quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận (về việc sử dụng nền nhà và điểm mua bán trong phạm vi quy hoạch chợ TH) ngày 31/8/1992 (sau đây gọi là Giấy chứng nhận giao đất); mặc dù việc giao đất không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Đất đai năm 1987 và Giấy chứng nhận giao đất của Ủy ban nhân dân xã TH không phải là một trong các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, nhưng đây không phải là căn cứ để cho rằng gia đình ông H lấn chiếm đất, mà đây là đất ông H được Ủy ban nhân dân xã TH giao quyền sử dụng từ năm 1992 và ông H chưa bị cơ quan nào thu hồi Giấy chứng nhận giao đất nêu trên; Quyết định số 2216/QĐ-KPHQ còn thể hiện ông H có hành

vì vi phạm hành chính năm 2013 là không đúng với Biên bản vi phạm hành chính về thời gian lấn chiếm đất.

[4] Khi cấp Giấy chứng nhận giao đất cho hộ gia đình ông H năm 1992, Ủy ban nhân dân xã TH đã không xác định vị trí, mốc giới, thửa đất, nên tại Biên bản vi phạm hành chính ngày 28/6/2016, Ủy ban nhân dân xã TH xác định phần diện tích 46 m² đất thuộc một phần thửa đất số 1123 là do gia đình ông H lấn chiếm là không đủ căn cứ, vì phần đất này chưa được làm rõ có nằm trong phần diện tích mà gia đình ông H được Ủy ban nhân dân xã TH giao hay nằm ngoài phần đất được giao năm 1992. Do vậy, không có cơ sở khẳng định gia đình ông H có hành vi lấn chiếm đất.

[5] Ủy ban nhân dân huyện Đ căn cứ vào các phần đất gia đình ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 (diện tích 64 m²) và Quyết định giao đất năm 2016 (diện tích 35 m²) với tổng diện tích 99m² để xác định phần đất còn lại (46 m²) gia đình ông H đang sử dụng là do lấn chiếm và ban hành Quyết định số 2216/QĐ-KPHQ ngày 05/7/2016 buộc ông H phải trả lại 46 m² đất đã chiếm của Ủy ban nhân dân xã TH là không có căn cứ.

[6] Do Quyết định số 2216/QĐ-KPHQ ngày 05/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai là không có căn cứ, nên ngày 04/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 2960/QĐ-CC cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông H cũng là không đúng.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Đất đai năm 1987 để cho rằng phần đất Ủy ban nhân dân xã H cấp cho gia đình ông H không đúng thẩm quyền nên phải bị thu hồi lại toàn bộ hoặc một phần là không đúng; đồng thời xác định diện tích 46 m² đất nằm ngoài diện tích gia đình ông H đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do gia đình ông H lấn chiếm; từ đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu hủy các Quyết định số 2216/QĐ-KPHQ ngày 05/7/2016 và số 2960/QĐ-CC ngày 04/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, là không đúng.

[8] Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy Quyết định số 2216/QĐ-KPHQ ngày 05/7/2016 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số 2960/QĐ-CC ngày 04/10/2016 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Trên cơ sở yêu cầu của các hộ dân và kiến nghị của Ủy ban nhân dân huyện Đ, ngày 14/8/2015, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Văn bản số 3842/UBND-KT về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng phần đất do Nhà nước quản lý tại xã TH, huyện Đ, thành phố T. Ngày 20/10/2016, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 3225/QĐ-UBND giao cho ông H diện tích 35 m² đất tại một phần thửa đất số

1123, Tờ bản đồ số 02 xã TH, huyện Đ để sử dụng vào mục đích đất ở tại nông thôn; giao đất ở lâu dài, có thu tiền sử dụng đất với số tiền là 52.500.000 đồng là đúng quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đã được giao không đúng thẩm quyền).

[10] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3225/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm xác định phần đất gia đình ông H mua của Ủy ban nhân dân xã TH năm 1985, đến ngày 31/8/1992 được Ủy ban nhân dân xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp được coi là có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các điểm b, d và g khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và cho rằng gia đình ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối với diện tích 35 m²) không phải nộp tiền sử dụng đất, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, hủy một phần Quyết định số 3225/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là không đúng quy định tại Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[11] Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/QĐ-ADBPKCTT ngày 20/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T trong bản án là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 73, khoản 3 Điều 74, khoản 2 Điều 75, khoản 2 Điều 76, khoản 3 Điều 77 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (Hội đồng xét xử phải ra quyết định riêng) theo mẫu số 62-HC ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án cấp phúc thẩm không phát hiện sai lầm này của Tòa án cấp sơ thẩm và vẫn tuyên hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/QĐ-ADBPKCTT nêu trên trong bản án phúc thẩm là không đúng.

[12] Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án mà không áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017) để tính án phí là không đúng.

[13] Tòa án cấp sơ thẩm có những sai lầm nghiêm trọng, nếu chỉ hủy bản án phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại thì Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được sai lầm nêu trên; vì vậy, cần thiết phải hủy cả bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 1 Điều 271, khoản 3 Điều 272 và khoản 2 Điều 274 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 07/2020/KN-HC ngày 18/6/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 228/2018/HC-PT ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 228/2018/HC-PT ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố M và Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 27/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại TP.M;
- TAND thành phố T
- (02 bản kèm HSVA);
- VKSND thành phố T;
- Cục THA dân sự thành phố T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GDKTIII (3b), VP
- (TANDTC), Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Du